TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 6 năm 2019
(V/v ly hôn giữa chị H và anh H1)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trung Dũng**

2. Bà **Đào Thị Hà**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Hồng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông **Hồ Lỷ Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lộc Thị H** - Sinh năm: 1972; Dân tộc: Bố Y; Nghề nghiệp: Giáo viên; Địa chỉ: Tổ X, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lệnh Sông H1** - Sinh năm 1967; Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Địa chỉ: Tổ X, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019 cùng các tài liệu kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lộc Thị H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Lệnh Sông H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 1992 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay đã tách thành xã Q và thị trấn T, địa bàn vợ chồng chị chung sống nay thuộc địa bàn thị trấn T). Do hiện nay đã thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cũ nên vợ chồng chị đã thực hiện việc đăng ký lại vào ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang (trong đó xác định ngày đăng ký là 02/4/2019; đăng ký lại; ngày xác lập quan hệ vợ chồng là ngày 20/11/1992). Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến năm 1997, anh H1 thường xuyên chơi bời cờ bạc, gia đình nội ngoại hai bên đã nhiều

lần khuyên nhủ nhưng anh H1 không nghe, vẫn chứng nào tật đấy. Thời gian gần đây anh H1 càng không coi trọng gia đình, không quan tâm đến vợ con, bỏ ngoài tai những lời khuyên của vợ con, anh chị em trong gia đình, vẫn lao vào con đường cờ bạc. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lệnh Sông H1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lệnh Thu H2 (sinh ngày 24/8/1992) và cháu Lệnh Duy T (sinh ngày 25/7/2003). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lệnh Duy T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lệnh Thu H2 đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Khi ly hôn, vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng chị không có tranh chấp về tài sản riêng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 19/4/2019, bị đơn là anh Lệnh Sông H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí ly hôn với chị H theo ý kiến của chị H vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lệnh Thu H2 (sinh ngày 24/8/1992) và cháu Lệnh Duy T (sinh ngày 25/7/2003). Khi ly hôn, anh nhất trí việc giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Còn cháu Lệnh Thu H2 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Khi ly hôn, vợ chồng anh tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật. *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, quyền và nghĩa vụ của đương sự, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn cho Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Lộc Thị H ly hôn với anh Lệnh Sông H1. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lệnh Duy T (sinh ngày 25/7/2003) cho chị Lộc Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị Lộc Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lộc Thị H về việc xin ly hôn với anh Lệnh Sông H1 được Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 nhiều lần vắng mặt không có lý do khi Tòa án triệu tập là đã vi phạm các nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cả hai lần Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H1 đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy đã được triệu tập hợp lệ nhưng cả hai phiên tòa, anh H1 đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị H và anh Lệnh Sông H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay đã tách thành xã Q và thị trấn T, địa bàn vợ chồng chị chung sống nay thuộc địa bàn thị trấn T). Do hiện nay đã thất lạc Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cũ nên vợ chồng chị đã thực hiện việc đăng ký lại vào ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang nên có cơ sở kết luận chị H và anh H1 đã xác lập hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 20/11/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến năm 1997, anh H1 thường xuyên chơi bời cờ bạc, gia đình nội ngoại hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H1 không nghe. Thời gian gần đây anh H1 không coi trọng gia đình, không quan tâm đến vợ con, vẫn tiếp tục ham mê cờ bạc. Cuộc sống vợ chồng do đó mà không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2019 cũng thể hiện: *"anh H1 hay chơi bời, nợ nần, đã được anh em, họ hàng khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh không nghe"* (bút lục số 42). Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ*

chồng có nghĩa vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Tuy nhiên, anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng, không chia sẻ với vợ trong việc xây dựng kinh tế gia đình mà còn ham mê chơi bời, cờ bạc, dẫn đến kinh tế gia đình bị suy kiệt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1; anh H1 nhất trí ly hôn theo ý kiến của chị H vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được (bút lục số 30). Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành hòa giải thì cả hai phiên hòa giải anh H1 đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến thay đổi hay giữ nguyên quan điểm ban đầu. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H, anh H1 có hai con chung là cháu Lệnh Thu H2 (sinh ngày 24/8/1992) và cháu Lệnh Duy T (sinh ngày 25/7/2003). Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lệnh Duy T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lệnh Thu H2 đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H1 nhất trí với ý kiến của chị H. Trên cơ sở nguyện vọng của hai bên đương sự, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lệnh Duy T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩa vụ và quyền của anh H1 được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ và quyền của chị H được thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều có ý kiến là khi ly hôn tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Vợ chồng chị H, anh H1 không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lộc Thị H và anh Lệnh Sông H1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lệnh Duy T (sinh ngày 25/7/2003) cho chị Lộc Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 04/6/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Lệnh Sông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Lộc Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2013/05031 ngày 18 tháng 4 năm 2019. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lộc Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Lệnh Sông H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Q;*
- *TAND tỉnh;*
- *THADS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*